

Số 231/QĐ-THPTMA

Muờng Ảng, ngày 10 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MUỜNG ẢNG

Căn cứ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng và tổ chức bộ máy của trường Trung học;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1345/QĐ-SGDĐT, ngày 07/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Ông (bà) Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách Trường THPT Muờng Ảng năm 2024 (có biểu kèm dự toán kèm theo).

Hình thức công khai: Niêm yết công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 tại bảng tin Trường THPT Muờng Ảng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (bà) kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Chi



Đơn vị: **Trường THPT Mường Ảng**
Chương: 422

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định Số 24/QĐ-THPTMA của Trường THPT Mường Ảng ngày 10 tháng 11 năm 2024

Đvt: nghìn
đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7
1	Thu, chi, nộp ngân sách về phí, lệ phí					
1	Số thu					
2	Số thu nộp ngân sách					
3	Số thu được để lại chi					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	449.000		300.000	149.000	
	Tổng số chi					
1	Sự nghiệp giáo dục	449.000		300.000	149.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	<i>Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>					
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	449.000		300.000	149.000	
2	Sự nghiệp đào tạo					
1.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	<i>Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>					
1.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Quản lý hành chính					
1.5	Kinh phí giao tự chủ					
	<i>Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>					
1.6	Kinh phí giao không tự chủ					